

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM SỐ 4 NĂM 2018

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam số 4 năm 2018.

1. Môi quan hệ giữa chất lượng tình bạn và bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội/ Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoài Phương// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 1 – 5

Tóm tắt: Nghiên cứu này tìm hiểu mối quan hệ giữa chất lượng tình bạn và bắt nạt trực tuyến ở học sinh trung học phổ thông (THPT). Khách thể gồm 873 học sinh từ 5 trường THPT ở khu vực nội và ngoại thành Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 292 học sinh (chiếm 34,3% tổng số khách thể nghiên cứu) là nạn nhân của ít nhất một hình thức bắt nạt trực tuyến, 211 học sinh (chiếm 24,8%) là thủ phạm của ít nhất một hình thức bắt nạt và 130 học sinh (chiếm 15,3%) vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm bắt nạt trực tuyến. Chất lượng tình bạn có liên quan đến mức độ bắt nạt và bị bắt nạt trực tuyến ở học sinh. Học sinh càng có nhiều bạn trên mạng có hành vi tiêu cực thì có mức độ bắt nạt và bị bắt nạt trực tuyến càng cao.

Từ khóa: Bắt nạt trực tuyến; Chất lượng tình bạn; Học sinh; THPT

2. Phân tích các yếu tố tác động đến quy mô vay vốn của hộ gia đình khu vực nông thôn mới/ Tô Ngọc Hưng, Nguyễn Đức Trung// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 6 – 12

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới quy mô vốn vay của hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Áp dụng mô hình hồi quy Tobit đối với dữ liệu khảo sát thực trạng tín dụng hộ gia đình trong xây dựng nông thôn mới tại 8 tỉnh/thành phố của Việt Nam, nghiên cứu thu được một số kết quả sau: (i) Các biến học vấn của chủ hộ, thu nhập, tiết kiệm, diện tích đất sản xuất kinh doanh, số lần vay thể hiện mối quan hệ thuận chiều, giúp thúc đẩy lượng vốn vay của hộ; (ii) Các biến học vấn cao nhất của thành viên trong hộ, nghề nghiệp chính của hộ và đặc trưng vùng miền thể hiện tác động nghịch đối với quy mô vay của hộ. Ngoài ra, không tìm thấy bất kỳ ảnh hưởng nào của nhân khẩu hộ, giới tính chủ hộ, diện tích đất ở và tình trạng sở hữu đất đối với quy mô vay vốn của nông hộ.

Từ khóa: Hộ gia đình; Nông thôn mới; Quy mô vốn vay; Tác động

3. Sự tham gia liên kết của hộ nông dân trong chuỗi giá trị nho Ninh Thuận/ Đỗ Thị Nâng, Nguyễn Thị Hồng// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 13 – 18

Tóm tắt: Sự tham gia của các hộ nông dân trồng nho Ninh Thuận vào các mô hình sản xuất hiệu quả như tổ/nhóm sản xuất hay hợp tác xã còn rất hạn chế vì sự tham gia này không đáp ứng được kỳ vọng cốt lõi của hộ, đó là bao tiêu sản phẩm cho họ. Kết quả là các hộ trồng nho chủ yếu bán sản phẩm của mình cho những người thu gom. Đây là một trong những lý do quan trọng nhất làm cho hầu hết hộ trồng nho Ninh Thuận khó có cơ hội nâng cao thu nhập cũng như giảm thiểu rủi ro trong sản xuất. Từ kết quả nghiên cứu, các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của các hộ nông dân vào các mối liên kết nhằm phát triển chuỗi giá trị nho Ninh Thuận nói chung, cải thiện thu nhập cho người nông dân nói riêng.

Từ khóa: Chuỗi giá trị nông sản; Hộ nông dân; Liên kết chuỗi giá trị; Nho Ninh Thuận

4. Đánh giá tác động của BĐKH đến tổn thương sinh kế người dân TP Hồ Chí Minh/ Nguyễn Thị Minh Hòa, Nguyễn Phú Bảo// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 19 – 22

Tóm tắt: Vùng phía nam TP Hồ Chí Minh do đặc điểm tự nhiên là vùng đất thấp (trên 80% diện tích đất có độ cao dưới 2,0 m so với mực nước biển) nên chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu (BĐKH), nhất là nước biển dâng đã ảnh hưởng lớn đến sinh kế của người dân. Với mục tiêu đánh giá mức độ tổn thương sinh kế do BĐKH, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tính chỉ số tổn thương sinh kế (livelihood vulnerability index - LVI) được đề xuất bởi Hahn và cộng sự dựa trên các tiêu chí của Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID) để đánh giá. Kết quả tính toán cho thấy, chỉ số tổn thương sinh kế cho cả vùng là thấp (LVI = 0,354) nhưng huyện Nhà Bè có LVI ở mức trung bình (LVI = 0,452). Các quận/huyện khác có chỉ số tổn thương sinh kế thấp (LVI từ 0,314 đến 0,360). Điều này cho thấy, tác động của BĐKH đến sinh kế người dân vùng nội thành là chưa nhiều, nhưng đáng kể ở vùng ngoại thành (huyện Nhà Bè).

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; Nguồn vốn; Tổn thương sinh kế

5. Phân tích kinh tế học pháp luật đối với hành vi kỳ thị giá và đề xuất hoàn thiện Luật Cạnh tranh 2004/ Đào Ngọc Báu// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 23 – 28

Tóm tắt: Kỳ thị giá là một dạng phổ biến của hành vi phân biệt đối xử trong giao dịch. Về mặt kinh tế học, hành vi kỳ thị giá không phải luôn mang lại hậu quả bất lợi cho xã hội, ngược lại, trong nhiều trường hợp chủ thể kinh doanh thực hiện hành vi kỳ thị giá vì mục tiêu chiết khấu chức năng hoặc nhằm tối đa hóa tổng thặng dư xã hội. Trên cơ sở

phân tích bản chất kinh tế của hành vi kỳ thị giá, bài viết này đưa ra đề xuất hoàn thiện quy định của Luật Cạnh tranh về phân biệt đối xử trong kinh doanh.

Từ khóa: Cạnh tranh; Kỳ thị giá; Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

6. Về hoạt động quản lý biển đảo của nhà nước quân chủ Việt Nam/ Nguyễn Mạnh Dũng// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 29 – 32

Tóm tắt: Biển cả và cơ tầng văn hóa biển là môi trường sinh tồn và nuôi dưỡng các nền “văn hóa biển” và cộng đồng cư dân từ buổi đầu lập quốc của các dân tộc trong khu vực. Vào thời trung đại, do vị trí địa lý, quá trình tương tác, nhu cầu kinh tế, sức ép chính trị hay truyền thống văn hóa... đã tạo nên thế ứng xử đối với không gian biển đảo của nhà nước quân chủ Việt Nam. Bài viết nhằm tìm hiểu về tư duy, tổ chức và quản lý biển đảo của nhà nước quân chủ Việt Nam.

Từ khóa: Biển đảo; Chủ quyền

7. Những thành tựu nổi bật trong hợp tác nghiên cứu khảo cổ học Việt - Nga/ Nguyễn Khắc Sử// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 33 – 39

Tóm tắt: Lĩnh vực hợp tác khai quật, nghiên cứu khảo cổ học luôn chiếm vị trí quan trọng trong hợp tác giữa Việt Nam với Liên Xô trước đây và Nga ngày nay. Một trong những hoạt động hợp tác nổi bật trong thời gian gần đây là Chương trình hợp tác giữa Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học - dân tộc học Novosibirsk thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga (2009-2019). Trong chương trình này, hai bên đã cùng nhau tổ chức và thực hiện các cuộc khảo sát thực địa; trao đổi ngắn hạn cán bộ nghiên cứu khoa học, trao đổi các ấn phẩm khoa học, tư liệu; viết bài về những phát hiện khảo cổ học mới nhất ở Việt Nam, Nga và cùng nhau công bố. Hai bên đã cùng tham gia các chương trình sinh hoạt khoa học (các hội thảo do hai nước hoặc nhiều nước tổ chức, giảng bài, báo cáo khoa học) và cùng tìm kiếm nguồn kinh phí tài trợ thực hiện chương trình hợp tác theo hướng hai bên cùng quan tâm. Thành tựu nổi bật nhất trong Chương trình hợp tác này là kết quả khai quật, nghiên cứu hang Con Moong (Thanh Hóa) và hệ các di tích sơ kỳ Đá cũ ở An Khê (Gia Lai).

Từ khóa: An Khê; Con Moong; Đá cũ; Đá mới; Khảo cổ học

8. Sự tương tác thể loại trong truyện ngắn Việt Nam đương đại/ Lê Hương Thủy// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 40 – 45

Tóm tắt: Quá trình vận động của thể loại là kết quả của sự vận động mang tính quy luật, đặc trưng thể loại, đồng thời chịu sự chi phối của ý thức đổi mới tư duy, ý thức sáng tạo của chủ thể cầm bút. Điều này khiến cho đời sống thể loại luôn có sự biến chuyển không ngừng, đặc biệt trong bối cảnh đương đại, khi tinh thần đổi mới đã trở thành ý thức thường trực của người cầm bút. Một trong những biến chuyển của đời sống thể loại văn

học đương đại là sự tương tác thể loại. Trong bối cảnh mà sự tương tác đã và đang diễn ra trên tất cả các phương diện như một đặc tính của thời đại, trong sự chuyển đổi ý thức nghệ thuật của nhà văn, sự tương tác thể loại trong văn học đã đặt ra vấn đề cần có những nghiên cứu và định vị về đời sống thể loại, về những đặc tính và sự biến đổi của cấu trúc thể loại. Bài viết hướng tới nghiên cứu sự tương tác thể loại trong truyện ngắn Việt Nam đương đại, qua đó để thấy tính vừa ổn định vừa biến đổi của thể loại truyện ngắn, quy luật vận động và phát triển của thể loại này trong tiến trình lịch sử.

Từ khóa: Sự tương tác thể loại; Sự vận động thể loại; Truyện ngắn Việt Nam đương đại

9. Vận dụng thể tản văn bút ký vào kiến tạo diện mạo thể loại tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử/ Lê Thời Tân// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 46 – 50

Tóm tắt: Từ quan điểm “mỗi bộ tiểu thuyết tự thành thể loại”, bài viết nghiên cứu vai trò và hiệu quả của việc vận dụng thể tản văn bút ký vào kiến tạo diện mạo thể tài tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử¹. Công việc phê bình thể loại này được tiến hành trên tiền đề nhận thức rằng, hình dung diện mạo thể loại một tác phẩm tiểu thuyết chính là tìm hiểu xem một cuốn sách đã trở thành chính nó ra sao giữa rất nhiều cuốn sách khác. Trong trường hợp Ngô Kính Tử, đó chính là “Ngoại sử của làng Nho” - một cuốn sách mà thiếu nó thì hình dung của văn học sử về tiểu thuyết Minh - Thanh sẽ trống vắng đi một góc không nhỏ.

Từ khóa: Bút ký; Diện mạo thể loại; Nho lâm ngoại sử; Tiểu thuyết Minh – Thanh

10. Một số phương thức thương mại hóa và chuyển giao sản phẩm KH&CN của các trường đại học trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam/ Vũ Tuấn Anh, Trần Văn Bình// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 51 – 55

Tóm tắt: Thương mại hóa và chuyển giao (TMH&CG) kết quả nghiên cứu của trường đại học có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, những phương thức triển khai hoạt động này tương đối phong phú. Bài báo trình bày một số phương thức cơ bản để TMH&CG sản phẩm khoa học và công nghệ (KH&CN) của các trường đại học trên thế giới và Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp mang tính gợi ý về phát triển mô hình TMH&CG phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Từ khóa: Kết quả nghiên cứu; Phương thức TMH&CG; Sản phẩm KH&CN; Trường đại học

11. Chuyển đổi hệ thống quốc gia về đổi mới của Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp của các viện nghiên cứu và triển khai công nghệ công nghiệp/ Bạch Tân Sinh// Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam .- Số 4/2018 .- Tr. 56 – 64

Tóm tắt: Trong quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường, hệ thống quốc gia về đổi mới (HTQGĐM) Việt Nam nói chung và các viện nghiên cứu và triển khai (R&D) công nghệ công nghiệp (CNCN) nói riêng cũng đã trải qua quá trình chuyển đổi thể chế để đáp ứng các điều kiện thay đổi do các chính sách của Chính phủ và thị trường tạo ra. Bài viết này xem xét quá trình chuyển đổi của các viện R&D CNCN (từ tổ chức chủ yếu tạo ra tri thức trở thành tổ chức trung gian, môi giới tri thức) trong bối cảnh của HTQGĐM. Sự chuyển đổi này không chỉ bao gồm năng lực học hỏi về tổ chức của các viện R&D CNCN mà còn liên quan tới năng lực học hỏi về chính sách của các cơ quan hoạch định chính sách liên quan, bởi đây là những điều kiện căn bản cho sự chuyển đổi thành công của các viện R&D CNCN.

Từ khóa: Chuyển đổi cấu trúc; Hệ thống đổi mới quốc gia; Năng lực học hỏi tổ chức; Tạo ra tri thức; Viện nghiên cứu và triển khai công nghệ công nghiệp

Trung tâm Thông tin Thư viện